

# PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

THS. HOÀNG THANH TÚ  
[httu@fit.hcmus.edu.vn](mailto:httu@fit.hcmus.edu.vn)

## Tài liệu tham khảo

---

- ❑ Giáo trình Pháp luật đại cương, GS.TS. Mai Hồng Quỳ (chủ biên), NXB Đại học Sư phạm, 2015
- ❑ ĐHQG TP.HCM, Trường ĐH Kinh tế - Luật, Tài liệu học tập Lý luận Nhà nước và Pháp luật, Lê Vũ Nam (chủ biên), NXB ĐHQG TPHCM, 2019
- ❑ Giáo trình Pháp luật đại cương - Dùng trong các trường Đại học, Cao đẳng và trung cấp, TS. Lê Minh Toàn, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022

## **BÀI 3:**

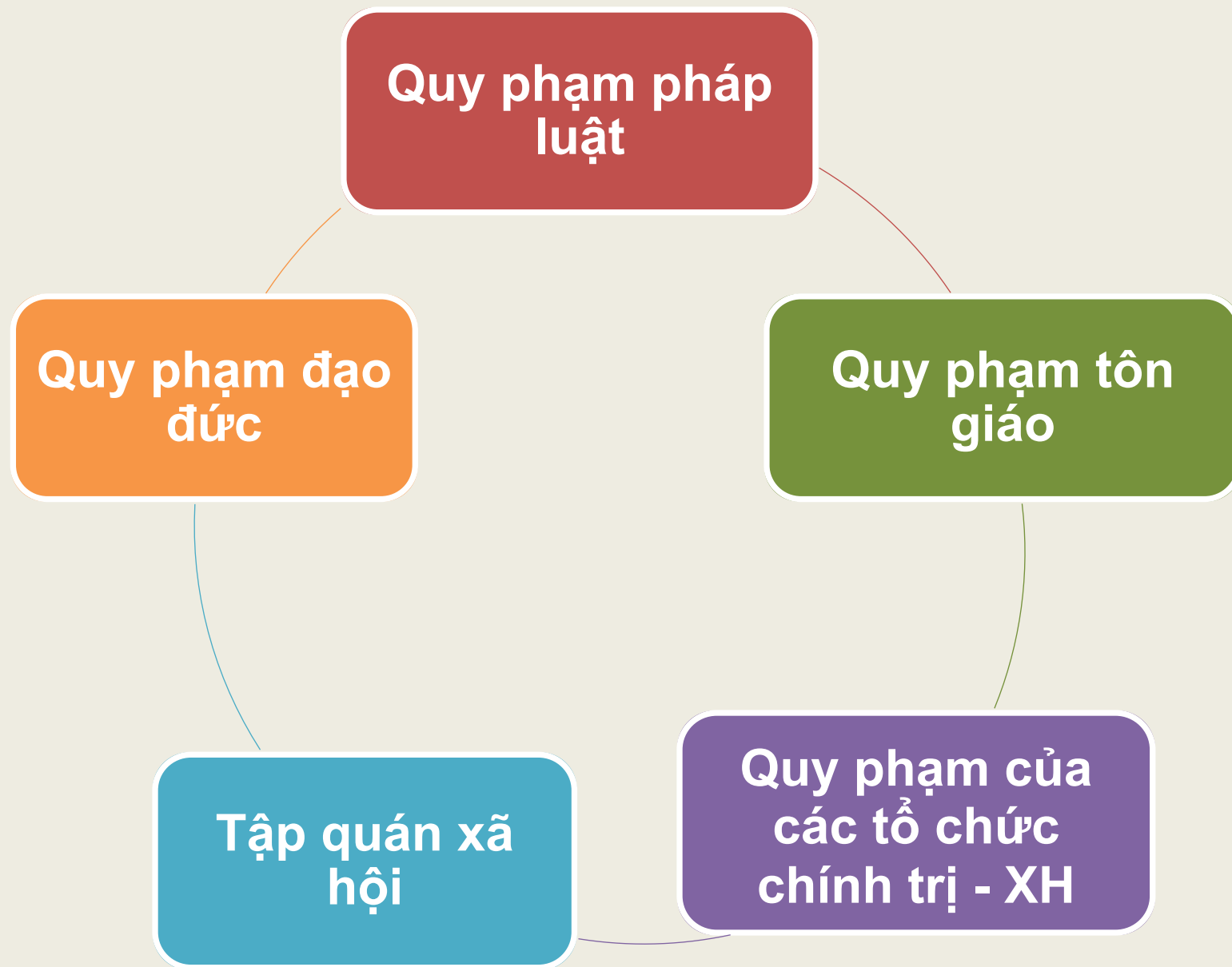
# **QUY PHẠM PHÁP LUẬT – HỆ THỐNG PHÁP LUẬT**

# Nội dung

---

1. Khái niệm, đặc điểm của QPPL
2. Cấu trúc của QPPL
3. Phân loại các QPPL
4. Hệ thống pháp luật VN





# 1. Khái niệm, đặc điểm của QPPL

---

## 1.1. Khái niệm

Khoản 1 Điều 3 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật:

*“QPPL là quy tắc xử sự chung, có hiệu lực bắt buộc chung, được áp dụng lặp đi lặp lại nhiều lần đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi cả nước hoặc đơn vị hành chính nhất định, do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền quy định trong Luật này ban hành và được Nhà nước đảm bảo thực hiện”*

## 1.2. Đặc điểm

1

- Thể hiện ý chí nhà nước

2

- Có tính lặp đi lặp lại và bắt buộc chung

3

- Được xác định chặt chẽ về hình thức

4

- Được nhà nước ban hành và đảm bảo thực hiện

5

- Chỉ ra các quyền và nghĩa vụ pháp lý của các bên

6

- Nội dung thể hiện dưới dạng cho phép hoặc bắt buộc.

7

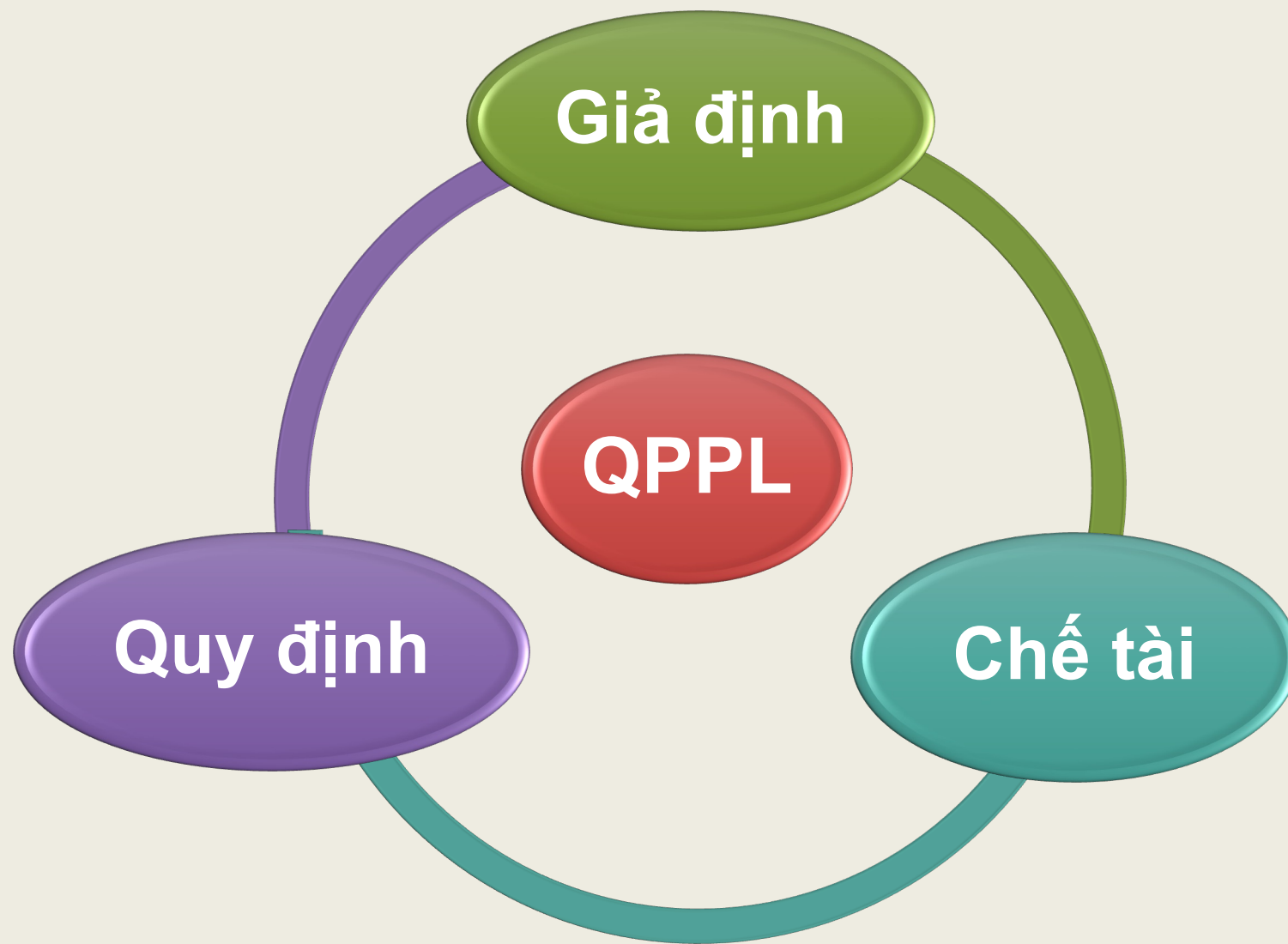
- Có tính hệ thống.



## Phân biệt QPPL với QPXH

	Quy phạm pháp luật	Quy phạm xã hội khác
<b>Chủ thể ban hành</b>	Nhà nước	Các tổ chức xã hội
<b>Ý chí</b>	Ý chí của Nhà nước	Ý chí của các thành viên
<b>Tính chất</b>	Mang tính bắt buộc chung	Mang tính tự nguyện
<b>Cơ chế thực hiện</b>	Được bảo đảm bằng sức mạnh cưỡng chế của nhà nước	Thực hiện trên cơ sở tự nguyện

## 2. Cấu trúc của QPPL



# GIẢ ĐỊNH

- Một bộ phận của QPPL
- Nêu lên điều kiện, hoàn cảnh (thời gian, địa điểm, tình huống...) mà các cá nhân, tổ chức khi rơi vào những hoàn cảnh, điều kiện đó sẽ chịu sự tác động của QPPL

*Ai?*

*Khi nào?*

*Điều kiện, hoàn cảnh nào?...*

# QUY ĐỊNH

- quan trọng nhất của QPPL
- quy tắc xử sự mà mọi chủ thể phải thực hiện trong những điều kiện mà phần giả định đã đặt ra.

*Được làm gì?  
Phải làm gì?  
Làm như thế nào?  
Không được làm gì?...*

# CHẾ TÀI

- chỉ ra những **biện pháp tác động** mà nhà nước sẽ áp dụng.
- đối với chủ thể **không thực hiện hoặc thực hiện không đúng** mệnh lệnh của nhà nước đã nêu trong phần quy định của QPPL.

*Hậu quả sẽ như thế nào?  
Bị gì ?*

Nhận biết phần giả định trả lời cho câu hỏi:

+ Ai?

+ Khi nào?

+ Điều kiện hoàn cảnh nào?

**Điều 29 Luật Hôn nhân và gia đình 2014**

*“Vợ, chồng bình đẳng với nhau về quyền, nghĩa vụ trong việc tạo lập, chiếm hữu, sử dụng tài sản chung ”*

→ Ai?

*“Vợ chồng” bình đẳng với nhau về quyền, nghĩa vụ trong việc tạo lập, chiếm hữu, sử dụng tài sản chung ”*

## Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình 2014

*“Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm non con mà không ai được cản trở”*

→ Ai? Khi nào?

*“Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm non con mà không ai được cản trở”*

### Khoản 3 Điều 24 Luật Hôn nhân và gia đình 2014

*“Trong trường hợp cha mẹ còn sống nhưng không có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chưa thành niên, con đã trưởng thành mất năng lực hành vi dân sự thì cha mẹ có thể cử người khác giám hộ cho con”*

*→ Ai? Điều kiện hoàn cảnh nào?*

*“Trong trường hợp cha mẹ còn sống nhưng không có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chưa thành niên, con đã trưởng thành mất năng lực hành vi dân sự thì cha mẹ*



## Khoản 2 Điều 655 Bộ luật dân sự 2015

“Trong trường hợp vợ, chồng xin ly hôn mà chưa được hoặc đã được Tòa án cho ly hôn bằng bản án hoặc quyết định chưa có hiệu lực pháp luật, nếu một người chết thì người còn sống vẫn được thừa kế di sản”

→ Điều kiện hoàn cảnh phức tạp?

- Vợ chồng xin ly hôn;
- Chưa được hoặc đã được Tòa án cho ly hôn bằng BA hoặc QĐ đã có hiệu lực PL;
- Nếu một người chết.

Nhận biết phần quy định trả lời cho câu hỏi: Phải làm gì?  
Được hoặc không được làm gì? Làm như thế nào?  
Bắt đầu bằng những từ ngữ: cấm, không được, được, phải,  
có, thì...

- Ví dụ: Khoản 2 Điều 26 Luật giao thông 2008:

“Người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng phải  
cho xe chạy cách nhau một khoảng cách an toàn ghi trên  
biển báo hiệu.”

→ Quy định bắt buộc (*Phải làm gì?*)

“Người lái xe phải cho xe chạy cách nhau một khoảng  
an toàn”

### Khoản 3 Điều 87 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015:

*“Cán bộ, công chức trong các cơ quan Tòa án, Kiểm sát, Công an không được làm người đại diện trong tố tụng dân sự, trừ trường hợp họ tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện cho cơ quan của họ hoặc với tư cách là người đại diện theo pháp luật”*

→ Quy định cấm đoán (Không được làm gì?)

*“.....không được làm người đại diện trong tố tụng dân sự....”*

### **Điều 39 Bộ luật dân sự 2015:**

*“Cá nhân có quyền kết hôn, ly hôn, quyền bình đẳng của vợ chồng, quyền xác định cha, mẹ, con, quyền được nhận làm con nuôi, quyền nuôi con nuôi và các quyền nhân thân khác trong quan hệ hôn nhân, quan hệ cha mẹ và con và quan hệ giữa các thành viên gia đình”.*

*→ Quy định cho phép (Được làm gì?)*

*“...có quyền kết hôn, ly hôn, quyền bình đẳng của vợ chồng, quyền xác định cha, mẹ, con, quyền được nhận làm con nuôi, quyền nuôi con nuôi và các quyền nhân thân khác...”*

Nhận biết phần chế tài: Trả lời cho câu hỏi: Hậu quả sẽ như thế nào nếu vi phạm pháp luật, thực hiện không đúng mệnh lệnh đã nêu ở phần quy định?

Khoản 1 Điều 132 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

*“Người nào thấy người khác đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng, tuy có điều kiện mà không cứu giúp dẫn đến hậu quả người đó chết thì bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm”*

→ Hậu quả gì khi vi phạm PL hoặc thực hiện không đúng mệnh lệnh của NN?

*“...bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm”*

# LƯU Ý KHI XÁC ĐỊNH

- Không phải lúc nào trong mọi trường hợp các QPPL đều có cả 3 bộ phận trên.
- Trường hợp ẩn quy định → không thấy quy định cụ thể nhưng khi đọc lên, ta thấy chúng chứa đựng các quy tắc xử sự chứ không quy định cụ thể.
- Trường hợp không có bộ phận chế tài → một số trường hợp chế tài này được quy định trong một chương riêng trong VBPL hoặc trong một VBPL khác.

### 3. Phân loại QPPL

Căn cứ vào đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh:

- QPPL hình sự;
- QPPL dân sự;
- QPPL hành chính.

### 3. Phân loại QPPL

Căn cứ vào cách trình bày QPPL:

- QPPL bắt buộc;
- QPPL cấm đoán;
- QPPL cho phép.



### 3. Phân loại QPPL

Căn cứ vào nội dung của QPPL:

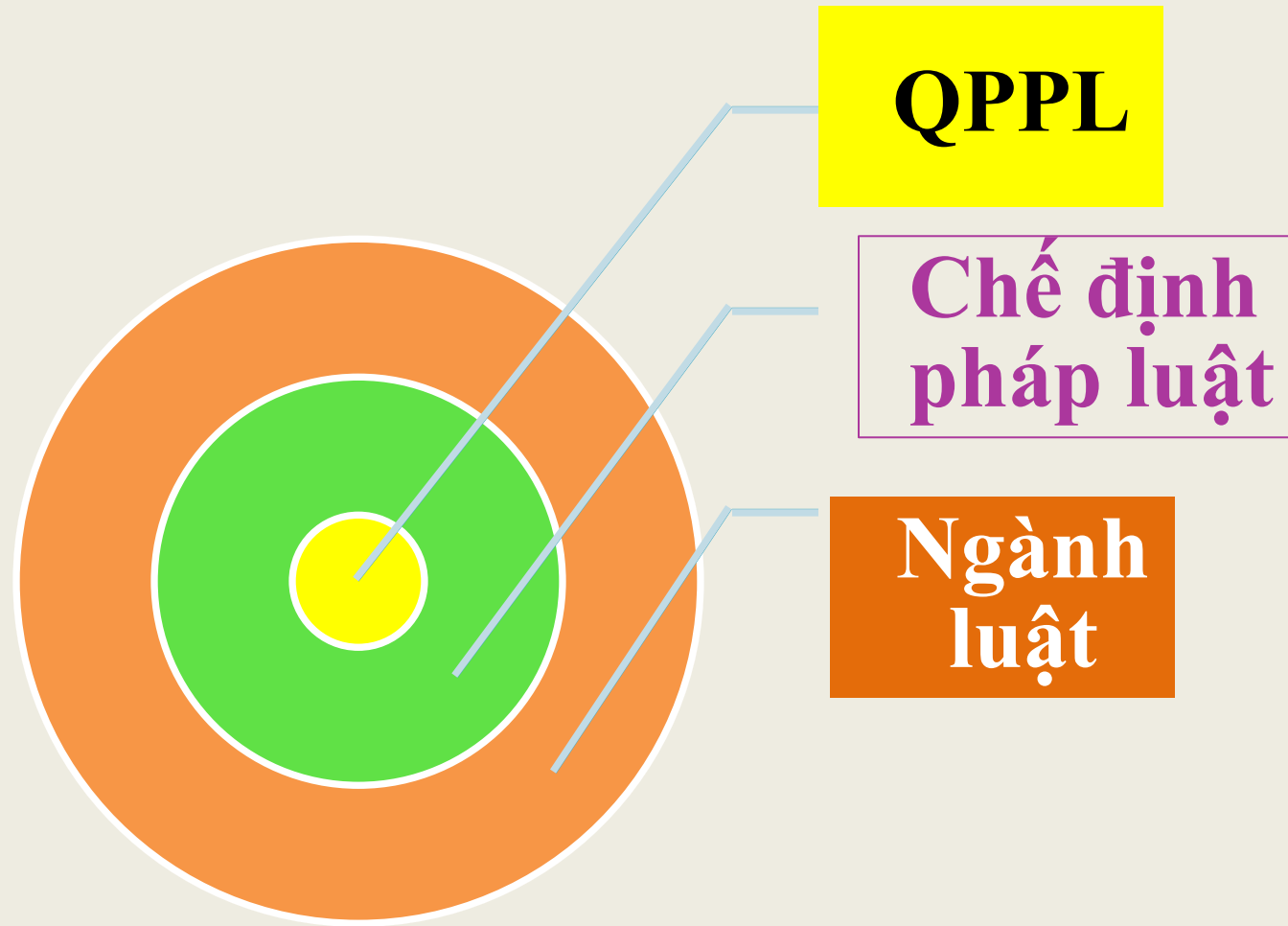
- QPPL định nghĩa;
- QPPL điều chỉnh;
- QPPL bảo vệ.

## 4. Hệ thống pháp luật

### 4.1. Khái niệm

Là cấu trúc bên trong của pháp luật, bao gồm tổng thể các quy phạm pháp luật có mối liên hệ nội tại và thống nhất với nhau được phân thành các chế định pháp luật, các ngành luật và được quy định bởi tính chất, cơ cấu các quan hệ xã hội mà nó điều chỉnh.

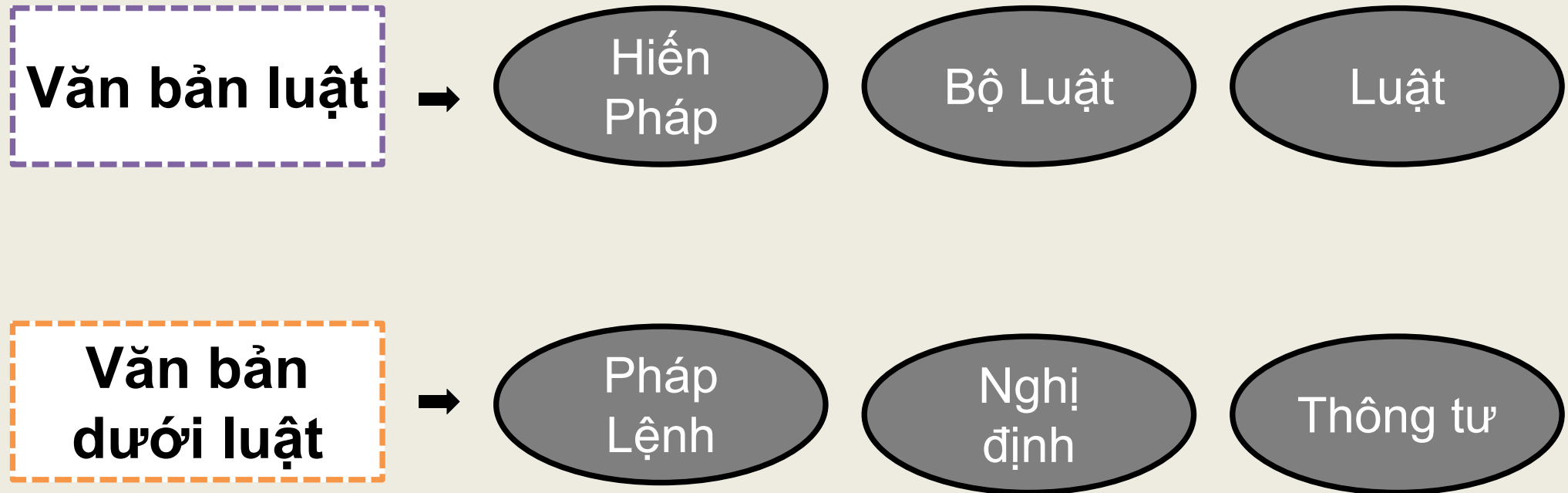
## 4.2. Các yếu tố của HTPL



## 4.2. Hệ thống VBQPPL

- **Hệ thống VBQPPL:** là tổng thể các văn bản quy phạm pháp luật do nhà nước ban hành có mối liên hệ chặt chẽ với nhau về nội dung và hiệu lực pháp lý.
- **VBQPPL:** là một hình thức văn bản do cơ quan nhà nước ban hành hoặc phối hợp ban hành theo thẩm quyền, hình thức, thủ tục luật định, trong đó có quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung, được áp dụng nhiều lần trong đời sống xã hội và được nhà nước bảo đảm thực hiện.

## 4.2. Hệ thống VBQPPL



# HỆ THỐNG VB QPPL THEO LUẬT MỚI (SỬA ĐỔI) CÓ HIỆU LỰC TỪ 01/01/2021

HIẾN PHÁP (Quốc hội)				
BỘ LUẬT (Quốc hội)		LUẬT (Quốc hội)		NGHỊ QUYẾT (QH)
PHÁP LỆNH (UBTVQH)	NGHỊ QUYẾT (UBTVQH)		NQ LIÊN TỊCH (UBTVQH với Đoàn CT UBTVMTTQVN)	NQ LIÊN TỊCH (UBTVQH, CP, Đoàn CT UBTVMTTQVN)
LỆNH (Chủ tịch nước)			QUYẾT ĐỊNH (Chủ tịch nước)	
NGHỊ ĐỊNH (Chính phủ)			NGHỊ QUYẾT LIÊN TỊCH (CP với Đoàn Chủ tịch UBTVMTTQVN)	
QUYẾT ĐỊNH (Thủ tướng Chính phủ)				
NGHỊ QUYẾT (Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)				
THÔNG TƯ (Chánh án TANDTC)	THÔNG TƯ (Viện trưởng VKS NDTC)	THÔNG TƯ (Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ)	THÔNG TƯ LIÊN TỊCH (Chánh án TANDTC, Viện trưởng VKSNDTC, Tổng Kiểm toán NN, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ)	QUYẾT ĐỊNH (Tổng Kiểm toán nhà nước)
NGHỊ QUYẾT (Hội đồng nhân dân cấp tỉnh)				
QUYẾT ĐỊNH (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)				
Văn bản QPPL (chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt)				
NGHỊ QUYẾT (Hội đồng nhân dân cấp huyện)				
QUYẾT ĐỊNH (Ủy ban nhân dân cấp huyện)				
NGHỊ QUYẾT (của Hội đồng nhân dân cấp xã)				
QUYẾT ĐỊNH (Ủy ban nhân dân cấp xã)				

# Hiệu lực của văn bản QPPL

